

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 36/2021/DS-PT

Ngày: 16/3/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bá Kha

Các thẩm phán: Ông Lê Quang Tấn

Ông Võ Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Ngọc Trâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2020/QĐPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020, Các Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 169/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2020; số 10/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 02 năm 2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Văn B, sinh năm 1962 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 22D đường Hai Bà Trưng, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà Lê Kim H, sinh năm 1958 (Vắng mặt)

Anh Lưu Kiến Q, sinh năm 1979 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 231-235 đường Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Trần Song T, sinh năm 1951 (Theo giấy ủy quyền ngày 18/12/2020, có mặt).

Địa chỉ: Số 8 Mạc Đĩnh Chi, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Ngô Văn H1, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 22D đường Hai Bà Trưng, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Kim H - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Ngô Văn B trình bày: Tôi với bà Lê Kim H, anh Lưu Kiến Q có xác lập giao dịch dân sự vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 12/9/2014 có cho bà Lê Kim H, anh Lưu Kiến Q vay số tiền 1.500.000.000 đồng.

- Ngày 27/9/2014 có cho bà Lê Kim H, anh Lưu Kiến Q vay số tiền 1.000.000.000 đồng.

- Ngày 29/9/2014 có cho bà Lê Kim H, anh Lưu Kiến Q vay số tiền 300.000.000 đồng.

Tổng cộng bà H, anh Q đã vay số tiền 2.800.000.000 đồng.

Những lần vay tiền đều có lập giấy tờ do bà H và anh Q ký tên, việc vay nợ do Ngô Văn H1 là con tôi theo dõi sổ sách.

Để đảm bảo việc trả nợ vay, bà H và anh Q có đưa cho ông Ngô Văn B giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H3862 do UBND thành phố Rạch Giá cấp ngày 28/11/2008; 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 1011/2018 do UBND thành phố Rạch Giá cấp ngày 15/12/2008 đứng tên bà Lê Kim H.

Từ khi vay đến nay bà H, anh Q đã trả được cho ông B số tiền vốn gốc là 1.180.000.000 đồng. Đối với số tiền vốn gốc 1,8 tỷ thì anh Q đã đóng cho ông B 10 lần tiền lãi được tổng cộng 300.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Kim H, anh Lưu Kiến Q phải trả số tiền vốn gốc là 1.620.000.000 đồng, rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với đối với số tiền gốc là 1.180.000.000 đồng và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ tháng 9 năm 2014 cho đến ngày Tòa án giải quyết. Ông B sẽ trả lại 02 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 956950 và bản gốc giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 918993073001219 sau khi bà H, anh Q trả xong số tiền nêu trên.

Bị đơn bà Lê Kim H trình bày: Bà H và anh Q có nợ ông Ngô Văn B số tiền gốc 2.800.000.000 đồng. Anh Q có trả cho ông B nhiều lần (trả trực tiếp cho anh Ngô Văn H1 là con ông B) số tiền vốn gốc là 1.180.000.000 đồng. Đối với biên nhận ngày 27/9/2014 với số tiền vốn gốc là 1.000.000.000 đồng có ghi ngày 28/11/2014 anh Q gửi 01 tháng, ngày 10/12/2014 anh Q gửi 1 tháng, ngày 25/12/2014 anh Q gửi 2 tháng, ngày 10/2/2015 anh Q gửi 2 tháng, ngày 13/4/2015 anh Q gửi 4 tháng. Tổng cộng là 10 tháng, mỗi tháng anh Q đã gửi trả cho ông B số tiền gốc là 100.000.000 đồng, anh Q đã gửi 10 tháng với tổng số tiền 1.000.000.000 đồng, là trả cho số tiền

vay gốc 1.000.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 27/9/2014. Tổng cộng bà H và anh Q đã trả cho ông B số tiền vốn gốc là 2.180.000.000 đồng, nhưng ông B chỉ thừa nhận số tiền đã trả là 1.180.000.000 đồng, còn số tiền 1.000.000.000 đồng còn lại ông B không thừa nhận, bà H và anh Q cũng không có chứng cứ để chứng minh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H xác định bà và anh Q còn nợ ông B số tiền vốn gốc là 620.000.000 đồng. Đối với biên nhận nợ ngày 27/9/2014 với số tiền 1.000.000.000 đồng, anh Q đã trả xong cho ông B (trả dần 10 lần mỗi lần 100.000.000 đồng), nhưng bà và anh Q không có chứng cứ để chứng minh. Ông B chỉ thừa nhận anh Q đóng lãi được 300.000.000 đồng thì bà không yêu cầu tính lại số tiền lãi đã đóng theo thừa nhận của ông B. Yêu cầu ông B trả lại cho bà H bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 956950 và bản gốc giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 918993073001219 để bà nộp cho Cơ quan Thi hành án để lấy tiền trả lại cho ông B.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn anh Lưu Kiến Q thống nhất lời trình bày và yêu cầu của bà H tại giai đoạn xét xử sơ thẩm.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Văn H1 trình bày:* Thống nhất với phần trình bày của ông B. Anh Lưu Kiến Q có trả tiền vốn gốc nhiều lần cho ông B nhưng do tôi nhận và theo dõi sổ sách, anh Q trả nhiều lần với tổng số tiền vốn gốc là 1.180.000.000 đồng. Đối với biên nhận nợ ngày 27/9/2014 với số tiền gốc 1.000.000.000 đồng anh Q đã đóng lãi được 10 lần, tổng cộng số tiền lãi là 300.000.000 đồng. Hiện nay bà H, anh Q còn nợ của ông B số tiền 1.620.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H1 giữ nguyên phần trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đã xét xử, quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn B về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” đối với bị đơn bà Lê Kim H, anh Lưu Kiến Q

Buộc bà Lê Kim H, anh Lưu Kiến Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ngô Văn B số tiền gốc là 1.620.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng*) sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn B đối với số tiền vốn gốc là 1.180.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ tháng 9 năm 2014 cho đến khi Tòa án giải quyết.

Buộc ông Ngô Văn B phải trả cho bà Lê Kim H 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 956950 do Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá cấp ngày 28/11/2008 do ông Lâm T1, bà Huỳnh Thị R đứng tên và được chỉnh lý biên động sang tên bà Lê Kim H ngày 13/01/2009 và một bản gốc giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 918993073001219 do Ủy ban nhân

dân thành phố Rạch Giá cấp ngày 15/12/2008 do ông Lâm T1, bà Huỳnh Thị R đứng tên và được chỉnh lý biến động sang tên bà Lê Kim H ngày 05/02/2009.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền và bản gốc giấy chứng nhận hoặc giao nhận tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/9/2020 bà H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DS-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, chấp nhận cho chị H và anh Q chỉ trả cho ông B số tiền vốn gốc là 620.000.000đ (Sáu trăm hai mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện và yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Phía ông T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà H giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang theo hướng chấp nhận cho chị H và anh Q chỉ trả cho ông B số tiền vốn gốc là 620.000.000đ (Sáu trăm hai mươi triệu đồng). Vì số tiền 1.000.000.000 đồng, là tiền phía nguyên đơn đầu tư cho bị đơn đánh bắt hải sản thì bị đơn đã trả cho nguyên đơn rồi.

Phía bị đơn anh Q đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Theo nguyên đơn ông Ngô Văn B trình bày là bà H cùng với anh Lưu Kiến Q có vay của ông B 1,8 tỷ đồng và ông B có góp vốn đầu tư thêm 01 tỷ đồng để đầu tư mua bán hải sản (cân khô mực), khi vay tiền và góp vốn đầu tư đều có thiết lập biên nhận cụ thể như sau: Biên nhận ngày 12/9/2014 bà H, anh Q vay 1,5 tỷ đồng, biên nhận ngày 27/ 9/2014 nhận 01 tỷ đồng, biên nhận ngày 29/9/2014 vay 300.000.000đ. Ông B xác định đối với số tiền vay 1,8 tỷ đồng thì bà H và anh Q đã trả được số tiền gốc là 1.180.000.000đ và đóng lãi là 300.000.000đ, hiện còn nợ 620.000.000đ và số tiền đầu tư 01 tỷ đồng. Về phía bà H và anh Q thừa nhận có giao dịch làm ăn với ông B nhưng xác định số tiền 2,8 tỷ đồng là đầu tư không có lãi và hiện nay ông Q và bà H đã trả cho ông B nhiều lần tổng cộng là 2.180.000.000đ, các lần trả tiền đều được trao trực tiếp cho anh Ngô Văn H1 (con ông B) nhận tiền và có ghi sổ theo dõi. Căn cứ vào biên nhận ngày 12/9/2014 Bà H, anh Q vay 1,5 tỷ đồng, biên nhận ngày 27/9/2014 nhận 01 tỷ đồng, biên nhận ngày 29/9/2014 vay 300.000.000đ (bút lục số 25, 26) xác định giữa ông B với bà H, anh Q đã xác lập dân sự giao dịch với nhau được ông B, anh Q và bà H thừa nhận là sự thật. Tuy nhiên, giữa ông B với bà H, anh Q không thống nhất được với nhau đối với số tiền đồng 01 tỷ đồng, ông B chỉ thừa nhận bà

H và anh Q trả được 1.180.000.000đ và đóng lãi suất với số tiền là 300.000.000đ. Xét thấy trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của bà H, anh Q cho rằng số tiền 2,8 tỷ đồng là tiền đầu tư không lãi, phương thức thanh toán cho các khoản tiền này bằng cách cân trừ vào sản phẩm (cân khô mực sau mỗi chuyến đánh bắt hải sản), anh Q và bà H đã trả cho ông B được 2.180.000.000đ nên hiện nay còn nợ ông B 620.000.000đ. Nhưng anh Q và bà H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H và anh Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông B 1.620.000.000đ là có căn cứ.

Do vậy, xét kháng cáo của bà H là không có cơ sở để chấp nhận. Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đề xuất áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố dân sự; giữ y bản án số 34/2020 / DS-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá tỉnh Kiên Giang; Không chấp nhận kháng cáo của bà H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm vào lúc 08 giờ ngày 19/8/2020 tại Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cho anh Lưu Kiến Q, nhưng anh Q không có mặt và bà Lê Kim H là mẹ của anh Q có làm đơn gửi cho Tòa án xử vắng mặt anh Q, đề ngày 05/8/2020, bà H ký tên. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay anh Q thừa nhận bà H làm đơn này là theo ý chí của anh, vì tại thời điểm đó anh không có mặt tại địa phương, anh đang đi chơi ở Campuchia, bà H có báo cho anh biết nhưng do tình hình dịch Covid 19 diễn biến phức tạp nên anh có nói với bà H làm đơn xin Tòa án xử vắng mặt anh. Do đó Tòa án chấp nhận đơn này là phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi Tòa án xét xử xong khoảng 10 ngày thì bà H có nhận được bản án dân sự sơ thẩm và anh có đọc bản án này nhưng anh không kháng cáo, mà để cho bà H làm đơn kháng cáo. Mọi lời trình bày, yêu cầu của bà H trong quá trình giải quyết sơ thẩm và nội dung kháng cáo của bà H thì anh đều thống nhất.

[2] Xét nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự đều thống nhất theo 03 biên nhận ngày 12/9/2014, ngày 27/9/2014 và ngày 29/9/2014 ông B cho bà H, anh Q vay tổng số tiền 2.800.000.000 đồng. Trong đó số tiền 1.000.000.000 đồng là tiền đầu tư cho bà H, anh Q trong quá trình đánh bắt hải sản, với yêu cầu khi đánh bắt hải sản về thì bà H và anh Q phải bán hải sản lại cho ông B, số tiền này không tính lãi suất, còn số tiền 1.800.000.000 đồng ông B cho bà H, anh Q vay và tính lãi suất. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thống nhất trong số tiền 1.800.000.000 đồng, phía bị đơn đã trả cho nguyên đơn 1.180.000.000 đồng, bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền gốc 620.000.000 đồng.

Các bên không tranh chấp số tiền nợ gốc này. Do đó, theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì phía nguyên đơn ông B không phải chứng minh.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà H. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các đương sự thống nhất chỉ tranh chấp số tiền 1.000.000.000 đồng theo biên nhận ngày 27/9/2014. Phía bị đơn và đại diện bị đơn cho rằng bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền này rồi, cụ thể ngày 28/11/2014 anh Q gửi 1 tháng, 10/12/2014 anh Q gửi 1 tháng, 25/12/2014 anh Q gửi 2 tháng, 10/02/2015 anh Q gửi 2 tháng, ngày 13/4/2015 anh Q gửi 4 tháng, những lần trả này do anh H1 ghi trong giấy tập học sinh mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án (tại bút lục 26) không ghi số tiền cụ thể, quy ước 01 tháng là 100.000.000 đồng, anh Q gửi 05 lần được 10 tháng, như vậy phía bị đơn đã trả đủ cho nguyên đơn 1.000.000.000 đồng. Còn phía nguyên đơn và anh H1 là người ghi sổ sách cho rằng, số tiền này là tiền đầu tư nên trong quá trình hai bên còn làm ăn với nhau thì bị đơn không phải trả gốc, lãi cho nguyên đơn, khi nào hai bên không còn làm ăn với nhau nữa thì bị đơn mới có trách nhiệm trả lại số tiền gốc cho nguyên đơn, còn số tiền anh Q gửi 05 lần, 10 tháng theo các ngày mà anh Q trình bày là quy ước tiền lãi 30.000.000 đồng/tháng đối với số tiền 1.800.000.000 đồng mà nguyên đơn cho bị đơn vay, tổng cộng anh Q trả 05 lần, 10 tháng là trả được 300.000.000 đồng tiền lãi của số tiền vay 1.800.000.000 đồng này. Mặc dù số tiền lãi này được ghi chung với biên nhận ngày 27/9/2014, được ghi ở phía dưới nhưng không phải là số tiền đóng lãi của số tiền gốc 1.000.000.000 đồng, cũng không phải là trả tiền gốc như anh Q trình bày. Hội đồng xét xử căn cứ vào các lần anh Q trả tiền gốc cho nguyên đơn đều có ghi cụ thể ngày, tháng, năm và số tiền trả (Bút lục 32). Mặt khác, bị đơn thừa nhận bị đơn có đóng lãi cho nguyên đơn của số tiền vay khác, mỗi lần đóng lãi được anh H1 ghi sổ sách cụ thể như ngày “14/7/2015 A Q gửi 2 tháng, 11/9/2015 Anh Q gửi 4 tháng, 30/10/2015 gởi 2 tháng, 11/12/2015 Anh Q gửi 2 tháng, 30/1/2016 anh Q gửi 2 tháng” (bút lục 25). Như vậy, lời khai của nguyên đơn phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, vì khi bị đơn trả tiền gốc có ghi cụ thể số tiền, còn trả lãi thì chỉ ghi tháng, không ghi cụ thể số tiền trả.

[4] Đối với số tiền lãi 300.000.000 đồng bị đơn trả cho nguyên đơn theo các ngày 28/11/2014 anh Q gửi 1 tháng, 10/12/2014 anh Q gửi 1 tháng, 25/12/2014 anh Q gửi 2 tháng, 10/02/2015 anh Q gửi 2 tháng, ngày 13/4/2015 anh Q gửi 4 tháng, bị đơn bà H cho rằng nếu nguyên đơn cho rằng số tiền này là số tiền lãi thì bị đơn không yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm xem xét lại. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, anh Q và đại diện bị đơn cho rằng không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét số tiền lãi này nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp với quy định của pháp luật. Trong quá trình xét xử tại cấp sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn và đại diện bị đơn đều cho rằng đã trả số tiền gốc 1.000.000.000 đồng cho nguyên đơn, nhưng lại không có chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình là sự thật và lời khai của bị đơn, đại diện bị đơn cũng không được phía nguyên đơn chấp nhận nên căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị đơn bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông B xác định tất cả các giao dịch đầu tư và cho vay tiền là ông chỉ giao dịch với bà H và anh Q nên ông B chỉ có yêu cầu khởi kiện đối với bà H, anh Q trả nợ, còn những người khác trong gia đình bà H, anh Q thì ông không biết và ông cũng không yêu cầu những người này có trách nhiệm cùng bà H, anh Q trả nợ cho ông. Mặt khác, anh Q cho rằng trong trường hợp phải trả nợ thì anh cũng đồng ý có trách nhiệm cùng với bà H trả nợ cho ông B toàn bộ số tiền nợ và yêu cầu ông B trả lại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà. Ông không yêu cầu những người trong gia đình của ông và bà H cùng có trách nhiệm phải trả nợ cho ông B. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bà H, anh Q có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ cho ông B là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy, tuy bản án sơ thẩm có tuyên “Hai bên trực tiếp giao nhận tiền và bản gốc giấy chứng nhận hoặc giao nhận tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang”. Việc tuyên quyết định như trên của cấp sơ thẩm là không cần thiết; bởi vì quyết định của Tòa án phải là những mệnh lệnh mà nếu không tự nguyện thi hành, thì sẽ cưỡng chế thi hành được; không nhất thiết quyết định thi hành tại một cơ quan thi hành án cụ thể. Do đó, Tòa cấp phúc thẩm xét thấy không cần tuyên như trên của bản án sơ thẩm và cũng không làm thay đổi nội dung quyết định của bản án sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về vấn đề này.

Từ những nhận định nêu trên nên trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà H, chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà H được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm c, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Kim H

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn B về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” đối với bị đơn bà Lê Kim H, anh Lưu Kiến Q.

1.1. Buộc bà Lê Kim H, anh Lưu Kiến Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ngô Văn B số tiền gốc là 1.620.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng*) sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn B đối với số tiền vốn gốc là 1.180.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ tháng 9 năm 2014 cho đến khi Tòa án giải quyết xong.

- Buộc ông Ngô Văn B phải trả cho bà Lê Kim H 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 956950 do Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá tỉnh Kiên Giang cấp ngày 28/11/2008 do ông Lâm T1, bà Huỳnh Thị R đứng tên và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Rạch Giá chỉnh lý biên động sang tên bà Lê Kim H vào ngày 13/01/2009 và một bản gốc giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 918993073001219 do Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá cấp ngày 15/12/2008 cho ông Lâm T1, bà Huỳnh Thị R đứng tên và được Phòng Quản lý đô thị thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang chỉnh lý biên động sang tên bà Lê Kim H vào ngày 05/02/2009.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn anh Lưu Kiến Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 30.300.000 đồng (*Ba mươi triệu ba trăm nghìn đồng*). Bà Lê Kim H được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Ngô Văn B số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 44.000.000 đồng theo lai thu số 0001899 ngày 18/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Kim H được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND thành phố Rạch Giá;
- THA dân sự thành phố Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Kha

